

Phụ lục I

DANH SÁCH DVC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
I	CẤP TỈNH (569 TTHC)		
1.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Sở Y tế	Quý IV/2021
2.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		
3.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		
4.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
5.	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		
6.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
7.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)		
8.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
9.	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.		
10.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược)theo hình thức xét hồ sơ		
11.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		
12.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
13.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		
14.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
15.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế		
16.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT		
17.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		
18.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
19.	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
20.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ		
21.	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất		
22.	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự		
23.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc		
24.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D		
25.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm		
26.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		
27.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế		
28.	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố		
29.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D		
30.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
31.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc		
32.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		
33.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		
34.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
35.	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước		
36.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT		
37.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		
38.	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
39.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.		
40.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
41.	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
42.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		
43.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động		
44.	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
45.	Cấp giấy nhận chứng bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		
46.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II		
47.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		
48.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược		
49.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
50.	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
51.	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ		
52.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng		
53.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
54.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT		
55.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo		
56.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		
57.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
58.	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
59.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		
60.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		
61.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		
62.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		
63.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
64.	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế		
65.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
66.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				
67.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo				
68.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng				
69.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước				
70.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm				
71.	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng				
72.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				
73.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế				
74.	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế				
75.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý IV/2021
76.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại				
77.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại				
78.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình				
79.	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
80.	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại		
81.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		
82.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)		
83.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
84.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế		
85.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		
86.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		
87.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.		
88.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ		
89.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		
90.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)		
91.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn		
92.	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo		
93.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm		
94.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
95.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo		
96.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam		
97.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
98.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh		
99.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh		
100.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh		
101.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế		
102.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		
103.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		
104.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)		
105.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (cấp tỉnh)		
106.	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		
107.	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)		
108.	(cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)		
109.	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
110.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)		
111.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)		
112.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		
113.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cấp tỉnh		
114.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm		
115.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)		
116.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		
117.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		
118.	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)		
119.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)		
120.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		
121.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
122.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
123.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác				
124.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ				
125.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm				
126.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				
127.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ				
128.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu				
129.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)				
130.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)				
131.	Thủ tục đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại				
132.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động			Sở Nội vụ	Quý IV/2021
133.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo				
134.	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
135.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh		
136.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
137.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ		
138.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
139.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ cấp tỉnh		
140.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
141.	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện cấp tỉnh		
142.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
143.	Thủ tục Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường Hội cấp tỉnh		
144.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
145.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
146.	Thủ tục đổi tên Hội		
147.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
148.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
149.	Thủ tục phê duyệt Điều lệ Hội cấp tỉnh		
150.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
151.	Thủ tục thành lập Hội		
152.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
153.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
154.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
155.	Thủ tục tự giải thể Hội cấp tỉnh		
156.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
157.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
158.	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		
159.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập		
160.	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
161.	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo		
162.	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập		
163.	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
164.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP		
165.	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức		
166.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức		
167.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
168.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
169.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
170.	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam		
171.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
172.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
173.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
174.	Thủ tục quỹ tự giải thể		
175.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)		
176.	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích		
177.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (Cấp tỉnh)		
178.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		
179.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh		
180.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
181.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		
182.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương		
183.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
184.	Thủ tục thông báo tuyên chuyên chức sắc, chức việc, nhà tu hành		
185.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh		
186.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quý IV/2021
187.	Thủ tục “Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân”		
188.	Đăng ký hợp đồng cá nhân		
189.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).		
190.	Thủ tục: Gửi thoả ước lao động tập thể		
191.	Thủ tục “Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân”		
192.	Thủ tục “Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân”		
193.	Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực		
194.	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III		
195.	Thủ tục Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội		
196.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài		
197.	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
198.	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp		
199.	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
200.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
201.	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp		
202.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
203.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
204.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
205.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
206.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
207.	Xác nhận mộ đang quản lý trong nghĩa trang		
208.	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục		
209.	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
210.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
211.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
212.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp		
213.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
214.	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục		
215.	Tên thủ tục: Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
216.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài		
217.	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp		
218.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp		
219.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
220.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
221.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
222.	<p>Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập);</p> <p>Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)</p>		
223.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
224.	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
225.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				
226.	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
227.	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên Hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
228.	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
229.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				
230.	Thủ tục công nhận lại Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề tư thục trên địa bàn tỉnh				
231.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận				
232.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể				
233.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động				
234.	Tuyển sinh trung học phổ thông			Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý IV/2021
235.	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết				
236.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia				
237.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
238.	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
239.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại		
240.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông		
241.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học		
242.	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)		
243.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp, trường cao đẳng.)		
244.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục		
245.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên		
246.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng.)		
247.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		
248.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại		
249.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại		
250.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia		
251.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên		
252.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		
253.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa		
254.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
255.	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông		
256.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa		
257.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục		
258.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại		
259.	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)		
260.	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông		
261.	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông		
262.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông		
263.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục		
264.	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên		
265.	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại		
266.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc		
267.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại		
268.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		
269.	Giải thể trường phổ thông trung học (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường phổ thông trung học)		
270.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục		
271.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục		
272.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		
273.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
274.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm				
275.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú				
276.	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên				
277.	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên				
278.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài				
279.	Xét, cấp học bổng chính sách				
280.	Phê duyệt liên kết giáo dục				
281.	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển				
282.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam			Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2021
283.	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp				
284.	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp				
285.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ				
286.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ				
287.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân				
288.	Thủ tục đăng ký kiểm tra Nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu				
289.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng				
290.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng				
291.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
292.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh				
293.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận				
294.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)				
295.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành				
296.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp				
297.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học công nghệ				
298.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				
299.	Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước				
300.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế				
301.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.				
302.	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng			Sở Xây dựng	Quý IV/2021
303.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh				
304.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
305.	Thủ tục cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng		
306.	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng		
307.	Thủ tục công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư		
308.	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh		
309.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh		
310.	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc		
311.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc		
312.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề		
313.	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc		
314.	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam		
315.	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam		
316.	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III		
317.	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III		
318.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện		
319.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C				
320.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C				
321.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III				
322.	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				
323.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)				
324.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				
325.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài				
326.	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				
327.	Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)				
328.	Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)				
329.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				
330.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV/2021
331.	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường				
332.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội				

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
333.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội		
334.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn		
335.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp		
336.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)		
337.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		
338.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán		
339.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		
340.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập		
341.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã		
342.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)		
343.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã		
344.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
345.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã		
346.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		
347.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia		
348.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
349.	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp		
350.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		
351.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		
352.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
353.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		
354.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã		
355.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
356.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty		
357.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		
358.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế		
359.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty		
360.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh		
361.	Giải thể doanh nghiệp		
362.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
363.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
364.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp		
365.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
366.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		
367.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		
368.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
369.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
370.	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý		
371.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		
372.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã		
373.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách		
374.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã		
375.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
376.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
377.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		
378.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế		
379.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
380.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động		
381.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất		
382.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
383.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương		
384.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích		
385.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		
386.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
387.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần.		
388.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		
389.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		
390.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
391.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
392.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân		
393.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
394.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
395.	Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Sở Tư pháp	Quý IV/2021
396.	Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam		
397.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		
398.	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		
399.	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		
400.	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		
401.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		
402.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		
403.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân		
404.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		
405.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		
406.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài		
407.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam		
408.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		
409.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng		
410.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
411.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		
412.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng		
413.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng		
414.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng		
415.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp		
416.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		
417.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		
418.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		
419.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		
420.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
421.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên		
422.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại		
423.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc		
424.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		
425.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
426.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		
427.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động		
428.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		
429.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại		
430.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		
431.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động		
432.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
433.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài		
434.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Sở Công Thương	Quý IV/2021
435.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
436.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp		
437.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động		
438.	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp		
439.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại		
440.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại		
441.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
442.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương		
443.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		
444.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam		
445.	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
446.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini		
447.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam		
448.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương		
449.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ		
450.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại		
451.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
452.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²		
453.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		
454.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
455.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		
456.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		
457.	Thông báo hoạt động khuyến mại		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
458.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		
459.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)		
460.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)		
461.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP		
462.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài		
463.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài		
464.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP		
465.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí		
466.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa		
467.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
468.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép		
469.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
470.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
471.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
472.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
473.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
474.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
475.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		
476.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
477.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
478.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
479.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		
480.	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		
481.	Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ		
482.	Cấp Giấy phép vận tải loại A, B, C lần đầu trong năm		
483.	Đăng ký khai thác tuyến.		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
484.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng		
485.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng		
486.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)		
487.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)		
488.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		
489.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		
490.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng		
491.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)		
492.	Cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G từ lần thứ hai trở đi trong năm		
493.	Ngừng khai thác tuyến, giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách.		
494.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
495.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		
496.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		
497.	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ		
498.	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc		
499.	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
500.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu		
501.	Công bố hoạt động khu neo đậu		
502.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ		
503.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn		
504.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa		
505.	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng		
506.	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa		
507.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa		
508.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
509.	Công bố đóng khu neo đậu		
510.	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa		
511.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng		
512.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
513.	Cấp Giấy phép xe tập lái		
514.	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
515.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải		
516.	Cấp giấy phép lái xe quốc tế		
517.	Ngừng khai thác tuyến, giảm số chuyến chạy xe trên tuyến vận tải hành khách		
518.	Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, B, C,D, E, F, G		
519.	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Sở Tài chính	Quý IV/2021
520.	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công		
521.	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách		
522.	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản		
523.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Sở Nông nghiệp và Phát triển	Quý IV/2021

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
524.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	nông thôn	
525.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
526.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		
527.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y		
528.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)		
529.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
530.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)		
531.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2021
532.	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)		
533.	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính		
534.	Cho phép hợp báo (trong nước)		
535.	Cấp giấy phép bưu chính		
536.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên (địa phương)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
537.	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt		
538.	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử		
	(trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)		
539.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng		
	do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên		
540.	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy		
	chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng		
541.	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Địa phương)		
542.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Địa phương)		
543.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Địa phương)		
544.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)		
545.	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn		
546.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
547.	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài		
548.	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in		
549.	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)		
550.	Cho phép hợp báo (nước ngoài)		
551.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (địa phương)		
552.	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu		
553.	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)		
554.	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)		
555.	Đăng ký hoạt động cơ sở in		
556	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. BQL	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Quý IV/2021
557	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư. BQL		
558	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. BQL		
559	Cấp lại Giấy phép xây dựng		
560	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. BQL		
561	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư. BQL		
562	Giãn tiến độ đầu tư. BQL		
563	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
564	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		
565	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		
566	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. BQL		
567	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài. BQL		
568	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL		
569	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư). BQL		
II	CẤP HUYỆN (59 TTHC)		
1	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	UBND huyện, thành phố	Quý IV/2021
2	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp huyện)		
3	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		
4	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy		
5	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)		
6	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		
7	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện		
8	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
9	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).		
10	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại		
11	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị		
12	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất		
13	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề		
14	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện		
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)		
16	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã		
17	Đăng ký khi hợp tác xã chia		
18	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất		
19	Đăng ký khi hợp tác xã tách		
20	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
22	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập		
23	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã		
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã		
26	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
27	Đăng ký thành lập hợp tác xã		
28	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã		
29	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		
31	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh		
32	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		
33	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		
34	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		
35	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		
36	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ		
37	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
38	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.		
39	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS		
40	Chuyển trường đối với học sinh cấp THCS (đối với chuyển trường đi và ngoài tỉnh)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
41	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng		
42	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp		
43	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)		
44	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
45	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
46	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”		
47	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm		
48	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa		
49	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”		
50	Thủ tục công nhận lần đầu Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị		
51	Thủ tục công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở		
52	Thủ tục công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến		
53	Thủ tục công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến		
54	Thủ tục tặng danh hiệu thôn, bản, làng, khu phố văn hóa thuộc thẩm quyền UBND huyện, thành phố		
55	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
57	Giải thể tự nguyện hợp tác xã		
58	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã		
59	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		
III	CẤP XÃ (12 TTHC)		
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	UBND các xã, phường, thị trấn	Quý IV/2021
2	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.		
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề		
5	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật		
6	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (cấp xã)		
7	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)		
8	Cấp bản sao từ sổ gốc		
9	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		

STT	Tên dịch vụ công	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
10	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã., thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
11	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		
12	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm		